

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1644 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 04 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2018 - 2020

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 48/TTr-STP ngày 15 tháng 6 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2018 - 2020.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai có hiệu quả Đề án này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *nguyễn*

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CCTP tỉnh ủy;
- Ban Nội chính tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh và các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Như điều 3 (thực hiện);
- PCVP UBND tỉnh PTNC;
- Lưu: VT, NC.SN40b.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cầm Ngọc Minh



ĐỀ ÁN

**Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên
địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2018 - 2020**
*(Kèm theo Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 14/7/2018
của UBND tỉnh Sơn La)*

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Nhiệm vụ xây dựng hoàn thiện thể chế là một trong ba đột phá chiến lược trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 của cả nước và là một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ giai đoạn 2011-2020. Trong thời gian qua, thực hiện Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật ở các tỉnh trên địa bàn cả nước đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nhìn chung, các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đã điều chỉnh cơ bản các mặt của đời sống chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của các địa phương. Văn bản ban hành được triển khai thực hiện thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; đồng thời, có tác động rất lớn, tạo hành lang pháp lý trong việc bảo đảm hoạt động hiệu quả của bộ máy nhà nước góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương.

Đối với tỉnh Sơn La, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020 xác định mục tiêu xây dựng tỉnh Sơn La trở thành tỉnh phát triển khá trong vùng Trung du và miền núi phía bắc, trong đó một trong những nhiệm vụ quan trọng cần thực hiện là cải cách thể chế, ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính thống nhất, hợp hiến, hợp pháp phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Thực hiện mục tiêu trên, trong thời gian qua tỉnh Sơn La luôn quan tâm, chú trọng đến công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành để cụ thể hóa những vấn đề được văn bản cấp trên giao và để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước ở địa phương như: chính sách phòng chống ma túy, chính sách phát triển cây cao su, chính sách hỗ trợ các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản và chế biến tiêu thụ nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh, chính sách hỗ trợ hợp tác xã trồng cây ăn quả, cây dược liệu, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng

đồng...Các văn bản được ban hành về cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện thực tế địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế như: các cơ quan được giao tham mưu soạn thảo văn bản chưa phân biệt được giữa văn bản QPPL và văn bản hành chính nên có trường hợp văn bản hành chính thì ban hành dưới hình thức văn bản QPPL, còn văn bản chứa QPPL thì ban hành dưới hình thức văn bản hành chính; một số văn bản ban hành chưa đúng về thẩm quyền (*chủ yếu là thẩm quyền về nội dung*); nội dung văn bản chưa phù hợp với quy định của pháp luật, một số văn bản nội dung quy định nhiều khi không sát hợp, thiếu tính thuyết phục, tính dự báo và tiên liệu thấp, không đáp ứng yêu cầu phát triển của tình hình thực tế địa phương; thể thức, kỹ thuật trình bày, ngôn ngữ soạn thảo văn bản chưa đảm bảo... Để khắc phục những bất cập trên, đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện thể chế trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi phải có những giải pháp cụ thể để từng bước nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Hiến pháp năm 2013.
2. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật từ nay đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.
3. Kết luận số 01-KL/TW ngày 04/4/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.
4. Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.
5. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.
6. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật .
7. Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
8. Quyết định số 1573/QĐ-TTg ngày 11/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1785/QĐ-BTP ngày 07/10/2015 của Bộ Tư pháp ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
9. Công văn số 1362/TTG-PL ngày 08/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản QPPL.

Phần thứ hai
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QPPL
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QPPL CỦA TỈNH

1. Thống kê về số lượng văn bản ban hành

Để đáp ứng yêu cầu phát triển, tỉnh Sơn La đã xác định vấn đề cải cách thể chế, trong đó việc ban hành hệ thống văn bản QPPL đảm bảo tính thống nhất, hợp hiến, hợp pháp là nhiệm vụ quan trọng nhằm cụ thể hóa các văn bản của Trung ương phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, đặc biệt quan tâm đến các lĩnh vực: thu hút đầu tư, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển, phân cấp, phân quyền cho các đơn vị, tạo hành lang pháp lý thông thoáng, thuận lợi cho quá trình hoạt động của doanh nghiệp, nhà đầu tư và thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân. Chỉ tính riêng trong 02 năm (2016 - 2017) HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh đã ban hành số lượng văn bản như sau:

TT	Năm ban hành	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã		Tổng số
		HĐND	UBND	HĐND	UBND	HĐND	UBND	
1	2016	47	50	35	84	341	32	589
2	2017	35	31	20	39	212	08	345
Tổng số								934

2. Đánh giá về chất lượng văn bản ban hành

Các văn bản do HĐND, UBND các cấp ban hành đã góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương, công tác tham mưu xây dựng văn bản QPPL cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực ở địa phương, thực tế các văn bản QPPL được ban hành đã phát huy hiệu lực, hiệu quả trong thực tiễn áp dụng.

Tuy nhiên, bên cạnh đó chất lượng văn bản QPPL do địa phương ban hành chưa thực sự cao, chưa đồng đều giữa các lĩnh vực, các cấp ban hành. Thể hiện qua kết quả thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản, cụ thể như sau:

2.1. Công tác kiểm tra văn bản

2.1.1 Công tác tự kiểm tra

- **Năm 2016:** Thực hiện tự kiểm tra 42 văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Kết quả có 03 văn bản chưa phù hợp với quy định của pháp luật (*sai về thẩm quyền, nội dung, thể thức kỹ thuật trình bày văn bản*). Cục Kiểm tra văn bản QPPL của Bộ Tư pháp thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền các văn bản do UBND tỉnh ban hành, phát hiện 07 văn bản chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Thực hiện tự kiểm tra 423 văn bản QPPL do UBND cấp

huyện ban hành. Kết quả có 32 văn bản chưa phù hợp với quy định của pháp luật (*trong đó chủ yếu sai về thẩm quyền, nội dung và thể thức kỹ thuật trình bày văn bản*).

- **Năm 2017:** Thực hiện tự kiểm tra 37 văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Kết quả có 11 văn bản chưa phù hợp với quy định của pháp luật (*sai về trình tự xây dựng, ban hành văn bản; hiệu lực thi hành; thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản; văn bản hành chính nhưng lại được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL*). Thực hiện tự kiểm tra 272 văn bản QPPL do UBND cấp huyện ban hành. Kết quả có 28 văn bản chưa phù hợp với quy định của pháp luật (*sai về thẩm quyền, nội dung và thể thức kỹ thuật trình bày văn bản*).

2.1.2. Công tác kiểm tra theo thẩm quyền

- **Năm 2016:** Thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền đối với 126 Nghị quyết và Quyết định do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành và 292 Nghị quyết, Quyết định do HĐND, UBND xã ban hành. Qua kiểm tra phát hiện 69 văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện, xã ban hành chưa phù hợp với quy định của pháp luật (*55 văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện; 14 văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp xã*).

- **Năm 2017:** Thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền đối với 64 Nghị quyết và Quyết định do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành và 138 Nghị quyết, Quyết định do HĐND, UBND xã ban hành. Qua kiểm tra phát hiện 106 văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện, xã ban hành chưa phù hợp với quy định của pháp luật (*36 văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện; 70 văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp xã*).

2.1.3. Công tác rà soát văn bản

- **Năm 2016:** Thực hiện rà soát 39 văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành, 636 văn bản do HĐND, UBND cấp huyện ban hành thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước tại địa phương. Qua rà soát đã đề nghị sửa đổi bổ sung thay thế 34 văn bản (*HĐND, UBND tỉnh: 08 văn bản; HĐND, UBND cấp huyện: 26 văn bản*).

- **Năm 2017:** Thực hiện rà soát 142 văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành, 490 văn bản do HĐND, UBND cấp huyện ban hành thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước tại địa phương. Qua rà soát đã đề nghị sửa đổi bổ sung thay thế 86 văn bản (*HĐND, UBND tỉnh: 50 văn bản; HĐND, UBND cấp huyện: 36 văn bản*).

II. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VĂN BẢN QPPL

1. Đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã

Là lực lượng trực tiếp tham mưu cho HĐND và UBND cấp xã thực hiện công tác xây dựng, tự kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Tính đến ngày 30/4/2018, toàn tỉnh có 470 công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã.

- Về trình độ văn hóa: Trung học phổ thông 429, chiếm tỷ lệ 91,3%; Trung học cơ sở 40, chiếm tỷ lệ 8,5%; Tiểu học 01, chiếm tỷ lệ 0,2%.

- Về trình độ chuyên môn: Đại học Luật 134, chiếm tỷ lệ 28,6%; Trung cấp Luật 189, chiếm tỷ lệ 40,2%; Đại học ngành khác 18, chiếm tỷ lệ 3,8%; Cao đẳng chuyên ngành khác 45, chiếm tỷ lệ 9,6%; Trung cấp chuyên ngành khác 47, chiếm tỷ lệ 10%; Sơ cấp 20, chiếm tỷ lệ 4,2%; chưa qua đào tạo 17, chiếm tỷ lệ 3,6%.

- Về lý luận chính trị: Trung cấp lý luận 215, chiếm tỷ lệ: 45,7%; Sơ cấp 58, chiếm tỷ lệ 12,3%; chưa qua đào tạo 197, chiếm tỷ lệ 42%.

- Về bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch: Đã được bồi dưỡng cấp chứng chỉ cho 255, chiếm tỷ lệ 54,2%; chưa được bồi dưỡng 215, chiếm tỷ lệ 55,8%.

Nhìn chung đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch đã được chú trọng đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, tuy nhiên, trong số lượng công chức có chuyên môn đào tạo không phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm, chưa đáp ứng đủ các tiêu chuẩn chức danh công chức Tư pháp - Hộ tịch theo Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ 141 người, chiếm 30%. Hơn nữa đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch thường xuyên có sự luân chuyển, thay đổi sau mỗi kỳ đại hội hoặc bầu cử đại biểu HĐND đã ảnh hưởng không nhỏ tới cơ cấu, số lượng, chất lượng công chức hộ tịch, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải bổ sung kịp thời để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đối với các địa phương.

2. Đội ngũ cán bộ Phòng Tư pháp cấp huyện

Phòng Tư pháp được giao nhiều nhiệm vụ trực tiếp liên quan đến xây dựng hệ thống văn bản QPPL ở địa phương như: phối hợp xây dựng nghị quyết, quyết định; thẩm định dự thảo các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND và UBND cấp huyện; tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự án luật, pháp lệnh; giúp HĐND và UBND cấp huyện tự kiểm tra văn bản và thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền đối với văn bản QPPL do cấp xã ban hành; triển khai thực hiện việc rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL của HĐND và UBND cấp huyện.

Hiện nay, tỉnh Sơn La có 12 phòng Tư pháp với tổng số 46 công chức.

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 1/46 người, chiếm 2,5%; đại học Luật 43/46 người, chiếm 92,5%; trung cấp Luật 02/46 người, chiếm 5% trên tổng số cán bộ.

- Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp lý luận 6/46 người, chiếm 13%, cử nhân chính trị 2/46 người, chiếm 4,3%; trung cấp lý luận 32/46 người, chiếm 47,8,%; sơ cấp lý luận 6/46 người, chiếm 13% trên tổng số cán bộ.

Tuy nhiên, với khối lượng công việc đồ sộ, khả năng tự cập nhật hoặc tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên môn còn hạn chế; trước yêu cầu thực tế công việc ngày càng cao đã đặt ra nhiều thách thức và bộc lộ những hạn chế, bất cập của đội ngũ cán bộ tư pháp cấp huyện.

3. Đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng văn bản QPPL cấp tỉnh

3.1. Đội ngũ cán bộ làm công tác thẩm định văn bản QPPL thuộc Sở Tư pháp

Trong công tác xây dựng văn bản QPPL, Sở Tư pháp được giao nhiều nhiệm vụ liên quan đến việc lập đề nghị xây dựng pháp luật, thẩm định, kiểm

tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; cập nhật văn bản vào hệ thống cơ sở pháp luật quốc gia đối với văn bản do HĐND và UBND tỉnh ban hành; tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự án, dự thảo văn bản QPPL... Thực hiện nhiệm vụ này là Phòng Xây dựng và kiểm tra văn bản QPPL với 04 biên chế quản lý nhà nước Để đáp ứng yêu cầu của Hiến pháp 2013 và hệ thống pháp luật thường xuyên thay đổi, cũng như đáp ứng yêu cầu phát triển, thì yêu cầu đối với công tác xây dựng văn bản QPPL ngày càng cao cả về số lượng và chất lượng văn bản. Với số biên chế được giao chưa tương xứng với khối lượng công việc. Do đó, có thể thấy ngành Tư pháp đang phải nỗ lực rất lớn trước yêu cầu nhiệm vụ đặt ra để giúp của HĐND, UBND tỉnh xây dựng hệ thống thể chế đầy đủ và hợp hiến, hợp pháp; đặc biệt trong bối cảnh tổ chức thực hiện Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 với những yêu cầu, nhiệm vụ đòi hỏi trách nhiệm cao hơn.

3.2. Đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh

Về đội ngũ cán bộ pháp chế các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, theo Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế thì công chức pháp chế có nhiệm vụ quan trọng trong công tác tham mưu cho UBND cùng cấp ban hành văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý của ngành, trực tiếp giúp Giám đốc Sở thực hiện các nhiệm vụ xây dựng pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và pháp điển hệ thống QPPL; kiểm tra và xử lý văn bản QPPL.

Sau 7 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh Sơn La chưa thành lập được Phòng Pháp chế. Toàn tỉnh hiện có 18 cán bộ làm công tác pháp chế, trong đó 01 cán bộ chuyên trách và 17 cán bộ kiêm nhiệm.

Về trình độ chuyên môn, theo quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP thì cán bộ pháp chế phải có trình độ cử nhân luật trở lên. Tuy nhiên trong 18 cán bộ pháp chế, chỉ có 09 người có trình độ đảm bảo; về cơ bản đội ngũ cán bộ pháp chế hiện nay hoạt động hiệu quả chưa cao, chưa phát huy hết vai trò, nhiệm vụ trong công tác tham mưu xây dựng pháp luật.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Nhìn chung văn bản QPPL của địa phương ngày càng được quan tâm và có những bước phát triển mới, tiến bộ hơn rất nhiều. Số lượng văn bản quy phạm do HĐND và UBND ban hành trong thời gian qua tăng cả về số lượng và chất lượng. Những văn bản này đã góp phần tạo nên một hệ thống văn bản QPPL khá ổn định của tỉnh, điều chỉnh hầu hết các quan hệ xã hội trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Những văn bản này, cùng với các quy định của pháp luật do các cơ quan Nhà nước ở Trung ương ban hành đã góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, bảo vệ và phát huy các quyền tự do, dân chủ của công dân.

Những kết quả đạt được trong công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL của tỉnh cùng với hệ thống các văn bản QPPL của Trung ương đã trở thành công cụ đắc lực, hữu hiệu góp phần cho sự nghiệp xây dựng, phát triển của tỉnh Sơn La nói riêng và cả nước nói chung, đóng góp nhiều bài học kinh nghiệm cho Trung ương, các tỉnh thành phố khác của cả nước trong bối cảnh đất nước chúng ta đang tiếp tục con đường đổi mới, hội nhập sâu với thế giới.

2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Sơn La thời gian qua vẫn còn một số hạn chế sau:

Một là: Văn bản ban hành chưa đúng về thẩm quyền (*chủ yếu là thẩm quyền về nội dung*), cụ thể: văn bản thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, nhưng UBND tỉnh ban hành hoặc văn bản không thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện nhưng UBND huyện lại ban hành.

Hai là: Nội dung một số văn bản chưa phù hợp với quy định của pháp luật: văn bản quy định những nội dung không được văn bản cơ quan nhà nước cấp trên giao, quy định những nội dung trái với nội dung trong văn bản pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, quy định mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản do chính cơ quan mình ban hành.

Ba là: Một số văn bản nội dung quy định nhiều khi không sát hợp, thiếu tính thuyết phục, tính dự báo và tiên liệu thấp, không đáp ứng yêu cầu phát triển của tình hình thực tế địa phương (*chủ yếu là các văn bản liên quan đến các cơ chế, chính sách hỗ trợ*), có những văn bản mới thông qua đã phải sửa, gây khó khăn trong việc hiểu, giải thích, áp dụng một cách thống nhất và đầy đủ văn bản pháp luật.

Bốn là: Một số văn bản còn sai về thể thức, kỹ thuật trình bày (*sử dụng và trình bày không đúng về căn cứ pháp lý ban hành văn bản; quy định sai về hiệu lực thi hành của văn bản, trình bày các điều khoản trong văn bản chưa phù hợp....*), ngôn ngữ sử dụng trong văn bản đôi khi chưa chính xác và đúng với quy định của pháp luật hiện hành; văn bản chứa QPPL nhưng lại được ban hành bằng hình thức văn bản hành chính và ngược lại văn bản không chứa QPPL nhưng lại được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL.

Năm là: Việc ban hành văn bản để cụ thể hóa những nội dung được văn bản cấp trên giao đôi khi còn chậm (*có những văn bản của Trung ương ban hành đã có hiệu lực thi hành, nhưng một năm sau địa phương mới ban hành văn bản để cụ thể hóa*).

3. Nguyên nhân của hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 mặc dù đã có nhiều những nội dung sửa đổi, bổ sung mới phù hợp với yêu cầu của công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL hiện nay, tuy nhiên quá trình triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh vẫn còn những khó khăn, vướng mắc, cụ thể:

+ Về xác định văn bản QPPL: Luật năm 2015 đã quy định cụ thể hóa và tách khái niệm “*Văn bản quy phạm pháp luật*” và khái niệm “*Quy phạm pháp luật*”. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP cũng đã quy định liệt kê những văn bản không phải văn bản QPPL. Tuy nhiên, những quy định này vẫn chỉ mang tính khái quát chung, thực tế thực hiện để xác định một số văn bản có phải là VBQPPL hay không vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với những văn bản như: Nghị quyết của HĐND về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, Quyết định của UBND về thông qua, hoặc phê duyệt một số nội dung được văn bản pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên giao...

+ Về thẩm quyền ban hành văn bản của HĐND, UBND cấp huyện, xã: Theo quy định tại Điều 30 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành nghị quyết, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành quyết định để quy định những vấn đề được luật giao. Điều đó có nghĩa là, việc ban hành văn bản QPPL của cấp huyện, cấp xã sẽ bị hạn chế (*chỉ được ban hành văn bản QPPL trong trường hợp được Luật giao*), thậm chí hầu như cấp huyện và cấp xã sẽ không ban hành văn bản quy phạm pháp luật, vì từ trước đến nay hầu hết trong các Luật hoặc văn bản hướng dẫn Luật không giao HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã ban hành văn bản để quy định chi tiết, trong khi thực tế HĐND, UBND cấp huyện xã vẫn cần thiết phải ban hành văn bản QPPL để thực hiện chức năng quản lý nhà nước, điều hành xã hội phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cấp mình, như ban hành quy chế hoạt động của HĐND, quy chế làm việc của UBND, quy chế tiếp công dân, các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trên địa bàn... Trong các trường hợp này nếu ban hành văn bản QPPL thì không được Luật giao, còn nếu ban hành văn bản hành chính thì nội dung lại chứa QPPL không phù hợp giữa nội dung và hình thức văn bản.

- Văn bản QPPL của địa phương chủ yếu được ban hành trên cơ sở được các văn bản của trung ương giao hoặc phân cấp. Tuy nhiên, hiện nay trong một số các văn bản của trung ương quy định về phân cấp cho địa phương chưa rõ ràng, thậm chí còn chồng chéo, mâu thuẫn giữa thẩm quyền của tập thể UBND tỉnh với cá nhân Chủ tịch UBND tỉnh (*có những văn bản giao địa phương ban hành nhưng không giao cụ thể cơ quan nào có thẩm quyền ban hành (HĐND hay UBND) mà quy định rất chung chung là giao cơ quan có thẩm quyền của địa phương ban hành; một số văn bản trong cùng một nội dung giao địa phương ban hành văn bản, nhưng vừa giao cho UBND vừa giao Chủ tịch UBND; một số văn bản không phải văn bản QPPL của trung ương nhưng lại giao cho địa phương ban hành văn bản chứa QPPL, do đó rất khó cho địa phương trong việc sử dụng căn cứ pháp lý ban hành văn bản, nếu sử dụng văn bản của trung ương giao, thì không phù hợp với Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 trong việc sử dụng văn bản làm căn cứ pháp lý...).*

- Triển khai thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế tại tỉnh Sơn La nói riêng và tại các địa phương trong cả nước nói chung có nhiều khó khăn, vướng mắc. UBND tỉnh đã kiến nghị với Bộ Tư

pháp, Chính phủ đề sửa đổi, bổ sung Nghị định. Tuy nhiên, đến nay Nghị định số 55/2011/NĐ-CP chưa được sửa đổi, bổ sung. Do đó, cũng gây khó khăn cho địa phương trong việc bố trí, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất: Một số cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản chưa tuân thủ nghiêm quy trình, thủ tục xây dựng văn bản QPPL, đặc biệt là quy trình lập đề nghị xây dựng văn bản (đối với các văn bản QPPL của cấp tỉnh), việc khảo sát, đánh giá tác động của chính sách, dự báo các điều kiện đảm bảo thi hành pháp luật còn làm sơ sài, hình thức. Công tác soạn thảo văn bản QPPL còn tách rời khỏi thực thi pháp luật, vẫn mang nặng tư duy pháp lý thuần túy, thiếu nhạy bén trong việc phát hiện, kiến nghị những vấn đề bức xúc trong xã hội. Việc lấy ý kiến các cấp, các ngành liên quan nhất là những đối tượng chịu tác động trực tiếp của văn bản đóng góp vào văn bản đôi khi chưa hiệu quả, các cơ quan được lấy ý kiến đóng góp chỉ góp ý mang tính hình thức hoặc không góp ý, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng dự thảo, phải đề nghị điều chỉnh, bổ sung dự thảo nhiều lần.

Thứ hai: Trình độ của cán bộ tham mưu ban hành văn bản QPPL của một số cơ quan còn hạn chế, còn nhận thức máy móc về công tác soạn thảo và ban hành VBQPPL, khi xây dựng dự thảo VBQPPL còn thiếu rà soát, đối chiếu với quy định của cấp trên; thiếu khâu điều tra, khảo sát, phân tích đánh giá tình hình thực tế, việc ban hành VBQPPL thường sao chép lại các quy định của trung ương, dẫn đến có sự chồng chéo trong hệ thống văn bản QPPL. Đội ngũ công chức làm công tác pháp chế chủ yếu là kiêm nhiệm, do đó, chưa thực sự tập trung thực hiện công tác xây dựng văn bản QPPL.

Thứ ba: Cán bộ làm công tác thẩm định văn bản của Sở Tư pháp, Phòng tư pháp còn thiếu về số lượng và hạn chế về năng lực trình độ chuyên môn. Hiện nay, Phòng xây dựng, kiểm tra văn bản QPPL của Sở Tư pháp có 04 công chức, ngoài việc thẩm định văn bản còn thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, cập nhật văn bản vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Phòng tư pháp các huyện, thành phố có từ 03 đến 04 công chức nhưng phải thực hiện 26 đầu công việc chính thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng tư pháp theo quy định của pháp luật. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ không đồng đều, các văn bản thẩm định thì đa ngành, đa lĩnh vực đòi hỏi đội ngũ cán bộ làm công tác thẩm định vừa phải có kiến thức pháp luật, vừa phải am hiểu chuyên môn trong từng lĩnh vực.

Thứ tư: Công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL đôi lúc chưa được thực hiện kịp thời, phần lớn công tác này do Sở Tư pháp, Phòng tư pháp thực hiện, các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, UBND huyện chưa chủ động giúp UBND cùng cấp kiểm tra, rà soát các văn bản thuộc ngành, lĩnh vực quản lý. Do đó, chưa kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế những văn bản, nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế địa phương.

Thứ năm: Một bộ phận cán bộ, cơ quan có thẩm quyền nhận thức không đầy đủ về tầm quan trọng của việc ban hành văn bản, tính nguy hại của việc đưa vào cuộc sống những văn bản sai trái, chưa thấy được hệ lụy do việc ban hành văn bản trái pháp luật không chỉ làm tốn kém thời gian, tiền bạc mà còn làm

giảm sút niềm tin của nhân dân và cán bộ cấp cơ sở đối với sự chỉ đạo của các cơ quan cấp trên.

Phần thứ ba

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Việc xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phải thể chế hoá chủ trương của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, gắn với thực hiện Chiến lược xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, bảo đảm pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh, mọi công dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

2. Nâng cao trách nhiệm của cơ quan tham mưu và chủ thể có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL; định hướng công tác xây dựng và ban hành pháp luật đảm bảo trình tự, thủ tục theo Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015.

3. Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng văn bản QPPL theo hướng bảo đảm số lượng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt và kỹ năng nghiệp vụ cao. Kết hợp với phát huy sức mạnh của toàn xã hội phát huy dân chủ, tích cực tham gia đóng góp xây dựng luật, phù hợp với mục tiêu của Chương trình quốc gia phát triển nhân lực đến năm 2020 của Chính phủ.

4. Đề án phải khắc phục được những hạn chế, bất cập hiện nay trong công tác xây dựng văn bản QPPL của tỉnh Sơn La; thay đổi căn bản về tư duy, nhận thức, vai trò, tầm quan trọng của văn bản QPPL. Xác định rõ tính hữu cơ giữa chất lượng văn bản được ban hành và việc bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành văn bản trong một chỉnh thể thống nhất.

5. Đề án phải bảo đảm tính khoa học, thực tiễn, đồng bộ và khả thi, tận dụng tối đa nguồn lực hiện có. Các biện pháp củng cố và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản QPPL phải có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, không trùng lặp, chồng chéo với việc hoạch định những chương trình trong từng lĩnh vực riêng biệt đã và đang được triển khai thực hiện tại địa phương.

II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung

Xây dựng hệ thống văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh đảm bảo đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch đáp ứng yêu cầu, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được phổ biến, quán triệt đầy đủ các chủ trương của đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- 100% cán bộ làm công tác tư pháp, pháp chế, cán bộ làm công tác xây

dựng văn bản quy phạm pháp luật đủ tiêu chuẩn, điều kiện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- 100% các văn bản do địa phương ban hành phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế của địa phương.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL ở địa phương.

2. Xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng và ban hành văn bản QPPL tại địa phương.

3. Kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp, pháp chế: Rà soát, củng cố, tăng cường đội ngũ cán bộ tư pháp các cấp, đảm bảo đủ năng lực tham mưu xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Tiếp tục nghiên cứu Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế để có sự vận dụng phù hợp; đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước bằng pháp luật.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng văn bản QPPL. Phấn đấu đến hết năm 2020, 100% cán bộ làm công tác pháp chế đối với các cơ quan cấp tỉnh; cán bộ làm công tác tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật tại các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; HĐND và UBND cấp huyện, cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn; nghiệp vụ xây dựng dự thảo, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

5. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu pháp luật của tỉnh: Thu thập, rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL của tỉnh để cập nhật vào cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia theo quy định của Nghị định số 52/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Hằng năm rà soát, cập nhật được đầy đủ các văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

6. Tăng cường cơ sở vật chất, cơ chế chính sách đối với người làm công tác xây dựng văn bản QPPL: Đảm bảo cơ sở vật chất cho bộ phận trực tiếp thực hiện công tác thẩm định văn bản QPPL của tỉnh và cấp huyện; Nghiên cứu chế độ đãi ngộ phù hợp cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, nhằm kịp thời động viên, thu hút cán bộ có năng lực hoạt động trong lĩnh vực này.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về vai trò công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL tại địa phương.

1.1. Nội dung

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt các quy định của pháp luật về công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL, vai trò, tầm quan trọng của văn bản QPPL trong hoạt động quản lý nhà nước, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc tham mưu xây dựng, ban hành văn bản.

- Phát huy và tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị. Kiểm tra, tự kiểm tra việc thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, kịp thời xử lý nghiêm các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL. Tất cả các văn bản QPPL do các cơ quan, đơn vị tham mưu xây dựng phải do người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về chất lượng của văn bản do cơ quan, đơn vị tham mưu.

1.2. Trách nhiệm thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp

1.3. Tiến độ thực hiện: Từ năm 2018 đến 2020.

2. Xây dựng thể chế liên quan đến công tác xây dựng văn bản QPPL

2.1. Nội dung:

Xây dựng và hoàn thiện các thể chế, chính sách đảm bảo cho công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh phù hợp với Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 và các văn bản có liên quan.

2.2. Trách nhiệm thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

2.3. Tiến độ thực hiện: Quý I, II năm 2019

3. Sắp xếp, củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp, pháp chế, xây dựng pháp luật.

3.1. Nội dung:

- Bổ sung biên chế chuyên trách thuộc Sở Tư pháp trực tiếp giúp UBND tỉnh thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.
- Rà soát, củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh phù hợp điều kiện địa phương.
- Củng cố đội ngũ cán bộ tư pháp cấp huyện, bố trí đủ nhân lực theo số biên chế được giao; Tiếp tục tăng cường chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp hộ tịch cấp xã.

3.2. Trách nhiệm thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ; UBND các huyện, thành phố.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành.

3.3. Tiến độ thực hiện: Từ năm 2018 đến năm 2020.

4. Tăng cường tập huấn, đào tạo chuyên sâu về công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL

4.1 Nội dung:

- Xây dựng, biên soạn tài liệu chuyên đề về nghiệp vụ xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế, cán bộ làm công tác xây dựng chính sách, pháp luật của tỉnh.

4.2. Trách nhiệm thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

4.3. Tiến độ thực hiện: Năm 2019, 2020.

5. Tập trung thực hiện rà soát, hệ thống hóa các văn bản do HĐND, UBND các cấp ban hành từ 2014 đến 2018.

5.1. Nội dung thực hiện

- Tập hợp đầy đủ các văn bản QPPL và rà soát văn bản để phục vụ hệ thống hóa.

- Thực hiện rà soát và lập danh mục văn bản do HĐND, UBND các cấp ban hành theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015; sắp xếp các văn bản còn hiệu lực thành tập hệ thống hóa văn bản.

- In ấn, phát hành Tập hệ thống hóa văn bản.

5.2. Trách nhiệm thực hiện: Theo kế hoạch của UBND tỉnh.

5.3. Tiến độ thực hiện: Năm 2018 và Quý I/2019.

6. Rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu pháp luật của tỉnh vào cơ sở dữ liệu pháp luật Quốc gia

6.1. Nội dung:

Tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp trong việc cung cấp văn bản QPPL để cập nhập vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; kịp thời kiểm tra, rà soát, thu thập, cập nhật hệ thống văn bản QPPL cấp tỉnh trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đảm bảo phục vụ tra cứu, áp dụng, thi hành.

6.2. Trách nhiệm thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành; Văn phòng HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh

6.3. Tiến độ thực hiện: Thực hiện cập nhật thường xuyên.

7. Xây dựng cơ chế hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

7.1. Nội dung:

Nghiên cứu đề xuất phê duyệt kinh phí nhằm tăng cường cơ sở vật chất, chế độ chính sách cho đơn vị và cán bộ trực tiếp thực hiện công tác xây dựng,

thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

7.2. Trách nhiệm thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, các cơ quan có liên quan.

7.3. Tiến độ thực hiện: Thường xuyên

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện Đề án được cân đối và cấp hàng năm vào ngân sách các cấp phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo nội dung Đề án. Tổng kinh phí thực hiện Đề án là **1.200.000.000** (*Một tỷ, hai trăm triệu đồng chẵn*).

2. Kinh phí thực hiện đề án được cân đối và cấp hàng năm cho các cơ quan, đơn vị trên cơ sở dự toán thực hiện các nhiệm vụ được giao theo nội dung Đề án.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp

- Giúp UBND tỉnh triển khai, đôn đốc thực hiện các nội dung của Đề án; tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh kết quả việc thực hiện Đề án theo tiến độ các nội dung cụ thể. Tập hợp những khó khăn, vướng mắc và kịp thời đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

- Thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ xây dựng văn bản dài hạn, hàng năm, xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL; xây dựng quy chế soạn thảo, ban hành kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh; đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014 - 2018.

- Chủ trì biên soạn, sưu tầm tài liệu, cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ về công tác soạn thảo, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL để cung cấp cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng văn bản, chính sách.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán, sử dụng và quản lý kinh phí thực hiện Đề án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Nội vụ

Chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp và các sở, ngành có liên quan rà soát, khảo sát để có biện pháp, hướng dẫn củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp, pháp chế, cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Tư pháp xây dựng kế hoạch, phương án bố trí kinh phí từ ngân sách và sử dụng kinh phí nhà nước triển khai Đề án; hướng dẫn các ngành xây dựng dự toán và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước đảm bảo các điều kiện cho công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL ở cấp huyện, cấp xã; bố trí

nguồn kinh phí cho công tác bồi dưỡng nguồn nhân lực xây dựng, thẩm định chính sách, văn bản QPPL toàn tỉnh.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí cho công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản pháp luật.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế độc lập về kinh phí thẩm định văn bản QPPL; cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

4. Các sở, ban, ngành

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL cho đội ngũ cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý; Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế theo quy định; bồi dưỡng, nâng cao năng lực thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản theo lĩnh vực, chuyên ngành của đội ngũ cán bộ xây dựng văn bản tại cơ quan, đơn vị; đáp ứng tiêu chuẩn, yêu cầu, nhiệm vụ.

- Thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản QPPL. Chủ động kiểm tra, rà soát văn bản theo thẩm quyền và lĩnh vực nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan Tư pháp trong việc tham mưu xử lý văn bản theo quy định về kiểm tra, xử lý văn bản QPPL.

- Chủ động xây dựng dự toán kinh phí xây dựng văn bản QPPL hàng năm; đảm bảo sử dụng kinh phí theo đúng quy định.

5. UBND các huyện, thành phố

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL cho đội ngũ cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý; chủ động kiện toàn, tăng cường đội ngũ cán bộ phòng Tư pháp, cán bộ tư pháp hộ tịch cấp xã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác xây dựng văn bản pháp luật của các huyện, thành phố.

- Thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản QPPL. Chủ động kiểm tra, rà soát văn bản theo thẩm quyền và lĩnh vực nhiệm vụ được giao.

- Chủ động xây dựng dự toán kinh phí xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL hàng năm; đảm bảo sử dụng kinh phí theo đúng quy định. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cầm Ngọc Minh

